

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ B  
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **19/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 29 tháng 4 năm 2020.  
V/v: “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trần Kiên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Tư;
2. Ông Nguyễn Văn Chi.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Đặng Văn Hưng – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân** thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26/02/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 485/2019/TLST-HNGĐ ngày 06/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2020/QĐST-HNGĐ ngày 07/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Mai A, sinh năm 1993; nơi đăng ký HKTT và nơi ở: Số A, thôn S2, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt tại phiên tòa, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn : Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; nơi đăng ký HKTT: Thôn Tân Mỹ, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang; nơi ở: Số 319, thôn S2, xã S, thành phố B, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt tại phiên tòa).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Đinh Thị Mai A trình bày:*

Chị kết hôn với anh Nguyễn Văn T vào ngày 07/01/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, từ năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn nhỏ, giữa hai vợ chồng đã tự hòa giải. Nhưng đến năm 2018 thì mâu thuẫn trầm trọng, do anh Nguyễn Văn T chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Mặc dù chị và gia đình có nhắc nhở anh T, nhưng vẫn không thay đổi. Đến tháng 11/2019 thì vợ chồng ly thân. Nay, chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Chị và anh Nguyễn Văn T có một con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/12/2013. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện nay, chị làm diễn viên múa, tham gia tổ chức sự kiện, thu nhập từ 8.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng mỗi tháng.

- Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị và anh Nguyễn Văn T không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 02/01/2020, bị đơn là anh Nguyễn Văn T xác định:*

Anh kết hôn với chị A vào ngày 07/01/2013, trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, tự do tìm hiểu, đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc, từ năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn nhỏ, giữa hai vợ chồng đã tự hòa giải, nguyên nhân là do anh phát hiện chị A ngoại tình với người đàn ông khác, cũng thời gian đó anh cũng có chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần, vợ chồng có xảy ra xô sát. Đến năm 2019, anh phát hiện chị A tiếp tục ngoại tình, dẫn đến mâu thuẫn trầm trọng hơn, nên tháng 11/2019, anh chị ly thân. Nay, mặc dù vậy, nhưng anh thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn, anh không đồng ý ly hôn.

- Về con chung: Anh và chị A có một con chung là Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/12/2013. Ly hôn, anh đề nghị được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu chị A cấp dưỡng. Hiện nay, anh làm việc tại Công ty tổ chức sự kiện biểu diễn và quảng cáo Đ và làm nhân viên Văn phòng, thu nhập hàng tháng là 15.000.000 đồng.

- Về tài sản chung, công nợ: Anh chị không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Mai A vẫn không thỏa thuận về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án tuân thủ theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Mai A được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao cho chị Đinh Thị Mai A trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/12/2013. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Mai A phải chịu 300.000 đồng án phí, được khấu trừ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

### [1] Về thủ tục tố tụng:

Xét yêu cầu khởi kiện của chị Đinh Thị Mai A thì thấy: Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố B theo khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt phiên tòa lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh T kết hôn ngày 07/01/2013 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang, được cấp giấy chứng nhận kết hôn nên xác nhận là hôn nhân hợp pháp theo Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Quá trình chung sống, qua xác minh tại gia đình, cũng như theo trình bày của chị A và anh T thì cuộc sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, anh T có thời gian chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần. Anh T cho rằng chị A có ngoại tình, nhưng anh chưa ra được chứng cứ chứng minh. Hiện tại, vợ chồng đã ly thân, không ai còn tình cảm và quan tâm gì đến nhau. Quá trình giải quyết vụ án, anh T mặc dù xin được đoàn tụ vợ chồng nhưng vắng mặt tại các phiên tòa nên Hội đồng xét xử xét thấy quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã trở nên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình để xử cho chị Đinh Thị Mai A được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[3] Về nuôi con chung: Chị A và anh T có một con chung là cháu Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/12/2013, ly hôn anh chị đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung. Đây là nguyện vọng chính đáng của chị A và anh T. Anh chị đều có việc làm, có thu nhập, tuy nhiên con chung còn nhỏ và đang do chị A trực tiếp chăm sóc ổn định, cháu cần có sự chăm sóc của mẹ, nên cần giao con chung cho chị A tiếp nuôi dưỡng là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, đảm bảo quyền và lợi ích của con chung.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do chị A không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh Nguyễn Văn T và chị Đinh Thị Mai A đều xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc đương sự phải chịu án phí.

Áp dụng điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự để tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 238; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

### **Xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Đinh Thị Mai A được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung:

Giao cho chị Đinh Thị Mai A trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Quốc T, sinh ngày 18/12/2013. Việc cấp dưỡng không đặt ra.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở anh thực hiện quyền này.

Anh Nguyễn Văn T không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí: Chị Đinh Thị Mai A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B theo biên lai số AA/2016/0000746 ngày 06/12/2019. Xác nhận chị đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tp B;
- CCTHADS tp B ;
- UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc giang;
- Các đương sự.
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Trần Kiên**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN -CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Nguyễn Trần Kiên**

